

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Danh Văn Hoàng

+ Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý
số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
nợ khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lượng T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện
V, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lê V, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh
Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lượng Thị N, sinh năm
1991. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2022 và những lời khai trong
quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lượng T trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Lê V quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức đám cưới, đến ngày 12/8/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sinh sống tại Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã, ông V thường xuyên uống rượu bia, không lo làm ăn, có nhiều lần ông V đánh đập bà nên bị khủng hoảng về tinh thần bà đã gửi đơn ly hôn 02 lần được Tòa án thụ lý hòa giải và đã rút đơn về đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Lê V có 03 con chung tên Lê Thị Ng (nữ) sinh ngày 15/6/2005, Lê Cẩm Đ (nam) sinh ngày 22/01/2008 (hiện bị khuyết tật) và Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 08/4/2020 hiện nay sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Thị Ng, Lê Ngọc H, giao con chung tên Lê Cẩm Đ cho ông Lê V trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Giữa bà và ông V có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà và ông Nguyễn V có vay của em gái bà là Lượng Thị N số tiền 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi 02 con chung và đồng ý liên đới cùng ông Lê V trả nợ cho bà Lượng Thị N.

Bị đơn ông Lê V trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, còn mâu thuẫn chỉ đúng một phần, vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, lúc ông uống rượu có cự cãi qua lại và chỉ có đánh vợ 02 lần, gần đây có quơ tay trúng vợ và vợ bỏ nhà ra sống riêng từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay vợ xin ly hôn, ông không đồng ý vì còn thương vợ, mong muốn về đoàn tụ.

Về con chung, ông thống nhất vợ chồng ông có 03 con chung như bà T trình bày. Trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cả 03 con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà Lượng Thị N số tiền 210.000.000 đồng nhưng đã trả 110.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ 100.000.000 đồng. Nên chỉ đồng ý cùng bà T liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng cùng tiền lãi theo yêu cầu của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lượng Thị N trình bày: Bà Lượng T và ông Lê V có vay bà số tiền 250.000.000 đồng, cụ thể ngày 18/12/2020 âm lịch (al) vay số tiền 110.000.000 đồng hẹn thu hoạch lúa hè thu 2021 sẽ trả gốc cùng lãi với mức lãi suất Ngân hàng, bà Thủy có viết biên nhận; ngày 20/12/2020 (al) vay số tiền 40.000.000 đồng để đăng ký lô bán thịt heo ở chợ, bà Thủy có viết biên nhận, ngày 15/12/2021 (al) vay số tiền 100.000.000

đồng để trả Ngân hàng hứa trả theo mùa lúa, với lãi suất Ngân hàng, bà T có viết biên nhận.

Nay vợ chồng bà Lượng T và ông Lê V ly hôn nên bà khởi kiện yêu cầu bà T và ông V liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tương ứng với thời gian vay.

Tại phiên tòa, bà rút yêu cầu vợ chồng bà T, ông V trả 40.000.000 đồng tiền vay ngày 20/12/2020 (al) cùng tiền lãi, giữ yêu cầu bà T và ông V liên đới trả 210.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0,9% từ thời gian vay đến nay.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà Lượng T và ông Lê V có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2009, đây là hôn nhân hợp pháp sẽ được giải quyết theo Luật Hôn nhân gia đình. Xét thấy, kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà T đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông V và bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên bà T cho rằng giữa bà và ông V có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai thường xuyên cãi nhau, ông V thường hay kiểm chuyện đánh đập bà, hiện bà nhận thấy mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không còn tình cảm với ông V nữa; ông V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Ông V cho rằng ông vẫn còn tình cảm với vợ nhưng ông V không thể hiện thiện chí và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Đối với con chung tên Lê Thị Ng đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với bà T; đối với con chung tên Lê Ngọc H vẫn còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi); hiện hai con đang sống cùng bà T và bà T cũng có yêu cầu được nuôi 02 con chung nêu trên. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của con chung cũng như đảm bảo cuộc sống của con chung được ổn định nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thủy. Đối với con chung tên Lê Cẩm Đ, dù đã trên 07 tuổi nhưng cháu hiện thuộc trẻ khuyết tật nên không thể ghi nhận ý kiến của cháu, bà T hiện đã nuôi dưỡng hai con chung nên xét về điều kiện kinh tế và khả năng nuôi dưỡng của bà T thì xét thấy yêu cầu của bà T là giao con chung tên Lê Cẩm Đ cho ông V nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T và ông V không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Xét yêu cầu độc lập của bà Lương Thị N: Đối với yêu cầu trả 40.000.000 đồng tiền vay gốc ngày 20/12/2020 âm lịch, do bà N rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Đối với yêu cầu buộc bà T, ông V liên đới trả 210.000.000 đồng vay gốc: Xét thấy việc cho vay giữa các bên có viết biên nhận, bà T cũng thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N. Riêng ông V, ông V cũng thừa nhận có vay bà N số tiền gốc 210.000.000 đồng như bà N trình bày và đồng ý trả 100.000.000 đồng vay ngày 15/12/2021 âm lịch; đối với số tiền 110.000.000 đồng vay ngày 18/12/2020 âm lịch thì ông V cho rằng đã trả xong nhưng ông V không có chứng cứ chứng minh ông đã trả, mặt khác thời điểm phát sinh nợ vay thì giữa bà T và ông V vẫn còn sống chung, còn trong thời kỳ hôn nhân; bà N cũng không thừa nhận việc trả nợ của ông V nên việc bà N yêu cầu trả nợ là có căn cứ đề nghị không chấp nhận ý kiến của ông V. Về lãi suất: việc cho vay có thỏa thuận lãi suất, các bên cũng thống nhất mức lãi suất 0,9%/tháng. Do đó, bà N yêu cầu bà T, ông V trả lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 27, 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T; chấp nhận yêu cầu của bà N về yêu cầu ông V, bà T trả tiền vay gốc 210.000.000 đồng cùng lãi; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N về buộc ông V, bà T trả 40.000.000 đồng tiền vay và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê V có nơi cư trú tại Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà Lương T và ông Lê V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[3] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải ba lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng bà Lương T cương quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, ông Lê V không đồng ý ly hôn nhưng không có cách nào hàn gắn quan hệ vợ chồng, hiện tại ông V và bà T mỗi người sống một nơi. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lương T và ông Lê V là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lương T, chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Bà Lượng T và ông Lê V có 03 con chung tên Lê Thị Ng (nữ) sinh ngày 15/6/2005, Lê Cẩm Đ (nam) sinh ngày 22/01/2008 và Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 08/4/2020 hiện bà T đang chăm sóc. Tại bản tự khai cháu Ng có nguyện vọng sống với mẹ, cháu H chưa được 03 tuổi nên cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và H là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn lại cháu Lê Cẩm Đ không thể ghi nhận ý kiến được do bị bệnh và ông V có yêu cầu được nuôi, bà T đồng ý giao cho ông V nuôi nên giao cháu Đ cho ông Lê V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T và ông V không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản: Bà Lượng T và ông Lê V cho rằng có tài sản, tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ:

[6.1] Tại phiên tòa bà Lượng Thị N rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lượng T, ông Lê V đối với số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 20/12/2020 (al) cùng tiền lãi, xét thấy việc rút yêu cầu của bà N là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6.2] Đối với số tiền 110.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/12/2020 (al) tức ngày 30/01/2021 (dl), bà T và ông V thừa nhận có vay, bà T cho rằng chưa trả, ông V cho rằng đã trả nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh đã trả nên yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà T, ông V liên đới trả 110.000.000 đồng cùng tiền lãi là có căn cứ. Cách tính lãi: $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,9\% \times 17 \text{ tháng} (30/01/2021-30/6/2022) = 16.830.000 \text{ đồng}$.

[6.3] Đối với số tiền 100.000.000 đồng: Các đương sự thống nhất ngày 15/12/2021 (al) tức ngày 17/01/2022 dương lịch (dl) bà T và ông V có vay bà N số tiền 100.000.000 đồng để trả Ngân hàng, bà T có viết biên nhận. Bà T và ông V thống nhất trả theo yêu cầu của bà N nên được ghi nhận. Cách tính lãi: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,9\% \times 05 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} (17/01/2022-30/6/2022) = 4.890.000 \text{ đồng}$.

[6.4] Nên tổng số tiền bà Lượng T và ông Lê V phải trả cho bà Lượng Thị N là 210.000.000 đồng tiền vay và 21.720.000 đồng tiền lãi.

[7] Về án phí: Bà Lượng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình. Bà Lượng T, ông Lê V phải liên đới chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho bà Lượng Thị Nguyên là 11.707.000 đồng ($231.720.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 27, 37, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lượng T về việc xin ly hôn với ông Lê V.

1. Về hôn nhân: Bà Lượng T được ly hôn với ông Lê V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ng (nữ) sinh ngày 15/6/2005 và Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 08/4/2020 cho bà Lượng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung tên Lê Cẩm Đ (nam) sinh ngày 22/01/2008 cho ông Lê V trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Lượng T và ông Lê V tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tự thỏa thuận, Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lượng Thị N.

4.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lượng Thị N về việc yêu cầu bà Lượng T và ông Lê V liên đới trả 40.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi.

4.3. Buộc bà Lượng T và ông Lê V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lượng Thị N 210.000.000 đồng tiền vay và 21.720.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Buộc bà Lượng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003664 ngày 12/4/2022 sang tiền án phí.

5.2. Buộc bà Lượng T và ông Lê V liên đới chịu 11.586.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5.3. Hoàn lại cho bà Lượng Thị N 6.852.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003699 ngày 06/6/2022.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The